

Số: /TB-V PUBND

Bình Phước, ngày tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng**  
**phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC**  
**cung cấp Dịch vụ công tháng 01/2024**

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công;

Qua tổng hợp, thống kê các dữ liệu của Bộ chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://quantri.dichvucong.gov.vn>), Văn phòng UBND tỉnh thông báo như sau:

**1. Các sở, ngành:**

Stt	TÊN ĐƠN VỊ	BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THÁNG 01 NĂM 2024										Ghi chú		
		Công khai, minh bạch (%)		Tiến độ giải quyết (%)		Dịch vụ công trực tuyến (%)		Thanh toán trực tuyến (%)		Mức độ hài lòng (%)			Số hóa hồ sơ (%)	
		Năm 2023	Tháng 01 (theo DVC tỉnh)	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01		Năm 2023	Tháng 01 (theo DVC tỉnh)
<b>TỈNH BÌNH PHƯỚC</b>		15.5/18	9.2/18	18.9/20	18.7/20	3.3/12	3.7/12	3.6/10	3.2/10	17.8/18	18/18	6.0/22	8.6/22	
1	Sở Công thương		2.6	100	100	17.9	50	0	0	100	100		2.8	
2	Sở Khoa học Công nghệ		89.5	100	100	1.9	23.5	0	0	100	100		100	
3	Sở Xây dựng		63.2	100	100	1	38.4	0	0	100	100		100	
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư		73.5	89.3	86.04	89.3	89.5	0	0	100	99.4		82	
5	Sở Thông tin và Truyền thông		0	100	0	31.8	Không có hồ sơ	7.69	11.11	100	100		0	
6	Ban Quản lý khu kinh tế		46.7	100	100	1.3	43.1	0	1	100	100		92.8	
7	Sở Tài chính		0	Quá hạn 100	Quá hạn 100	Không có hồ sơ	Không có hồ sơ	0	0	66.7	66.7		0	
8	Sở Tài nguyên và Môi trường		88.3	99.9	96.36	0	0	0	0	100	100		97.6	
9	Sở Nội vụ	DVCQG không thể hiện	81.3	100	100	0	0	0	0	100	100	DVCQG không thể hiện	86.7	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo		94.8	100	95.45	3.9	60.9	59.69	0	100	100		96.9	
12	Sở Y tế		58.9	100	92.21	5.3	19.2	0	81.22	100	100		97.3	
13	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		88.2	100	100	3.6	93.3	0	0	100	100		93.8	
14	Sở Lao động-TB&XH		69.7	99.99	99.27	0.4	5.7	0	0	100	100		95.6	
15	Sở Tư pháp		69.4	99.46	98.47	0	0.2	11.32	14.46	100	100		67.5	
16	Sở Giao thông Vận tải		78.7	89.15	86.51	54.8	57	70.39	63.96	99.7	98.7		45.9	
17	Sở Ngoại vụ		0	100	0	0	Không có hồ sơ	0	0	100	66.7		0	
18	Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn		56.8	99.99	99.79	0.3	0.8	5.96	7.34	100	100		91.3	
19	Ban Dân tộc		0		0		Không có hồ sơ		0		66.7		0	

## 2. Huyện, thị xã, thành phố:

Stt	TÊN ĐƠN VỊ	BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ THÁNG 01 NĂM 2024											Ghi chú	
		Công khai, minh bạch (%)		Tiến độ giải quyết (%)		Dịch vụ công trực tuyến (%)		Thanh toán trực tuyến (%)		Mức độ hài lòng (%)		Số hóa hồ sơ (%)		
		Năm 2023	Tháng 01 (theo DVC QG)	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023	Tháng 01	Năm 2023		Tháng 01 (theo DVC QG)
<b>TỈNH BÌNH PHƯỚC</b>		15.5/18	9.2/18	18.9/20	18.7/20	3.3/12	3.7/12	3.6/10	3.2/10	17.8/18	18/18	6.0/22	8,6/22	
<b>II CẤP HUYỆN</b>														
1	Thành phố Đồng Xoài	100	100	59,7	70.29	41.73	82.9	25.22	22.78	88.6	92.2	70	79	
2	Thị xã Bình Long	32.6	28.8	99.86	97.88	16.37	60.7	12.32	16.12	100	100	24.8	64.2	
3	Thị xã Chơn Thành	100	75.2	98.63	97.2	3.68	12.8	4.21	2.76	100	100	26.4	32.3	
4	Thị xã Phước Long	100	73.2	99.18	84.74	5.91	50.1	9.03	5.57	100	96.4	24.8	64.6	
5	Huyện Lộc Ninh	100	100	99.65	98.73	3.06	12.9	2.29	0.93	100	100	24.8	33.4	
6	Huyện Hớn Quản	51.7	33.1	95.96	87.52	2.52	43.6	2.97	0.7	100	96.9	26.7	49.4	
7	Huyện Bù Gia Mập	85.4	42.8	97.97	99.02	3.33	21	0	0.76	100	100	21.5	41.8	
8	Huyện Bù Đốp	43.6	30.1	99.54	90.43	4.76	39.4	2.73	0	100	98.8	22.9	46.6	
9	Huyện Phú Riềng	47.2	36.6	98.97	80.79	9.7	35.8	3.4	6.83	100	95.6	22.2	46.7	
10	Huyện Bù Đăng	75.6	47.6	99.79	99.51	9.08	11.2	5.87	7.45	100	100	21.7	32.5	
11	Huyện Đồng Phú	99.9	53.3	94.04	95.24	2.67	3.1	1.96	2.46	100	100	21	25	

Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương tiến hành kiểm tra, đánh giá, phân tích các chỉ số của đơn vị để có giải pháp chỉ đạo khắc phục; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai và kiểm soát tiến độ thực hiện các chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số năm 2024. Đối với các đơn vị có phát sinh hồ sơ trễ hạn (có phụ lục đính kèm), Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các đơn vị tiến hành kiểm tra, báo cáo giải trình rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý; gửi báo cáo về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày **07/02/2024** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh thông báo đến các sở, ngành, địa phương có liên quan được biết và phối hợp thực hiện./.

### Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT tỉnh);
- LĐVP; Trung tâm, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**  
**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**